

ĐỖ THỊ MINH DUNG

TÀI LIỆU ÔN THI VÀO LỚP 10

MÔN NGỮ VĂN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

ĐỖ THỊ MINH DUNG

**TÀI LIỆU ÔN THI
VÀO LỚP 10
MÔN NGỮ VĂN**

(Tái bản lần thứ năm có chỉnh lí, bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Lôi noi ñau

Để đáp ứng nhu cầu ôn tập kiến thức chuẩn bị thi vào lớp 10 Trung học phổ thông cho học sinh Trung học cơ sở hiện nay, chúng tôi phối hợp với Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định – Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam – biên soạn chỉnh lí bộ sách **Tài liệu ôn thi vào lớp 10**.

Bộ sách gồm ba cuốn, ứng với ba môn học mà học sinh phải thi, như sau :

– **Tài liệu ôn thi vào lớp 10 môn Toán**

– **Tài liệu ôn thi vào lớp 10 môn Ngữ văn**

– **Tài liệu ôn thi vào lớp 10 môn Tiếng Anh;**

Đặc điểm chung của bộ sách này là các tác giả hệ thống hoá những kiến thức cơ bản nhất, cần thiết nhất cho học sinh. Bên cạnh đó, các tác giả chú ý hướng dẫn ôn thi, phân loại vấn đề. Đồng thời thông qua việc tìm hiểu các đề thi vào lớp 10, kể cả các đề thi vào lớp chuyên trong những năm gần đây để đưa ra những bài tập dưới dạng bài thi thử có kèm theo hướng dẫn cho các em.

Trong lần chỉnh lí này, cuốn sách **Tài liệu ôn thi vào lớp 10 môn Ngữ văn** được biên soạn lại, gồm ba phần như sau :

Phần I: Tóm tắt một số kiến thức cơ bản trong chương trình Ngữ văn lớp 9.

Phần II: Các dạng đề ôn luyện có hướng dẫn và không hướng dẫn.

Phần III: Giới thiệu một số đề thi môn Ngữ văn vào lớp 10 cho lớp thường, lớp chuyên của Sở Giáo dục Đào tạo TP. Hồ Chí Minh trong những năm gần đây và một số bài tham khảo.

Cuốn sách này chủ yếu giúp các em nắm vững những kiến thức cơ bản trong chương trình Ngữ văn Trung học cơ sở, đặc biệt là ở lớp 9. Trên cơ sở những kiến thức về Văn, Tiếng Việt, Tập làm văn, học sinh tự

luyện tập những bài tập cụ thể. Tác giả cũng biên soạn 20 đề (dưới dạng các đề thi thử có hướng dẫn) không ngoài mục đích hỗ trợ, khơi gợi sự sáng tạo cho các em trong quá trình ôn luyện, rèn kĩ năng làm bài và 10 đề tự luyện để giúp các em thử sức mình. Vì thế tài liệu này còn giúp cho học sinh tự ôn luyện, tự học rất tốt.

*Hi vọng bộ sách **Tài liệu ôn thi vào lớp 10** sẽ giúp cho học sinh chuẩn bị thi vào lớp 10 một cách tốt nhất, hiệu quả nhất. Kính mong được sự góp ý của quý độc giả.*

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về : Ban biên tập Ngữ văn, Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định, 231 Nguyễn Văn Cừ, quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

Trân trọng cảm ơn.

TÁC GIẢ

PHAN 1

TOM TAT MOT SO KIEN THÖC CÖ BAN TRONG CHÖÔNG TRÌNH NGÖ VAN LÖP 9

Chương trình Trung học cơ sở gồm:

- ❖ Kiến thức văn bản
- ❖ Tiếng Việt
- ❖ Tập làm văn

A. PHẦN VĂN BẢN

Gồm: văn bản nhật dụng, văn bản văn học Việt Nam (trung đại, hiện đại), văn bản văn học nước ngoài

I. VĂN BẢN NHẬT DỤNG

Lớp	T T	Tên văn bản	Tác giả và thời gian sáng tác	Những nét chính về nội dung	Những nét chính về hình thức
9	1	<i>Phong cách Hồ Chí Minh</i>	Lê Anh Trà (<i>Phong cách Hồ Chí Minh, cái vĩ đại gắn với cái giản dị, trong Hồ Chí Minh và văn hoá Việt Nam, Viện Văn hoá xuất bản, 1990</i>).	Vẻ đẹp phong cách Hồ Chí Minh là ở sự kết hợp hài hoà giữa truyền thống văn hoá dân tộc và tinh hoa văn hoá của nhân loại, giữa thanh cao và giản dị → vấn đề hội nhập thế giới và giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.	– Nghị luận và biểu cảm. – Dẫn chứng cụ thể.

	2	<i>Đấu tranh cho một thế giới hoà bình</i>	– G. G. Mác-két (<i>Thanh gươm Đa-mô-clét, Báo Văn nghệ</i> , ngày 27 – 9 – 1986).	Cuộc chạy đua vũ trang và nguy cơ chiến tranh hạt nhân đe dọa sự sống trên trái đất và nhiệm vụ cấp bách của mọi người là ngăn chặn nguy cơ đó, đấu tranh cho một thế giới hoà bình → Vấn đề bảo vệ hoà bình, chống chiến tranh.	Lập luận chặt chẽ, chứng cứ phong phú, xác thực cụ thể, cách so sánh rõ ràng và nhiệt tình của tác giả.
	3	<i>Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em</i>	Trích <i>Tuyên bố của Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em</i> , NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997.	Tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ chăm sóc trẻ em và sự quan tâm của cộng đồng quốc tế với vấn đề đó.	Bổ cục hợp lí, chặt chẽ, chứng cứ xác thực có sức thuyết phục.

II. VĂN BẢN VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

Lớp	T T	Tên văn bản	Tác giả và thời gian sáng tác	Những nét chính về nội dung	Những nét chính về hình thức
Truyện kí	1	<i>Chuyện người con gái Nam Xương</i> (Trích <i>Truyện kì mạn lục</i>)	Nguyễn Dữ (? – ?) – Quê: Huyện Trường Tân (Thanh Miện – Hải Dương), sống thời Lê – Mạc – Trịnh ở thế kỉ XVI, làm quan một năm rồi về ở ẩn. – Sáng tác khoảng vào thế kỉ XVI.	Tác phẩm thể hiện niềm cảm thương với số phận oan nghiệt và khẳng định vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến.	* Truyện chia làm 3 đoạn: – Cuộc hôn nhân giữa Trương Sinh và Vũ Nương, vợ chồng Vũ Nương xa cách vì chiến tranh ; – Nỗi oan khuất và cái chết bi thảm của Vũ Nương ; – Cuộc gặp gỡ giữa Phan Lang – Vũ Nương, Vũ Nương được giải oan. * Nghệ thuật dựng truyện tạo tình huống, miêu tả nhân vật, kết hợp tự sự với trữ tình.

Thơ	2	<i>Chuyện cũ trong phủ Chúa Trịnh</i> (Trích <i>Vũ trung tùy bút</i>)	– Phạm Đình Hổ (1768 – 1839) Tên chữ Tùng Niên, tục gọi Chiêu Hổ. Quê Đường An – Hải Dương, bắt đầu làm quan thời Minh Mạng, có nhiều công trình biên soạn, khảo cứu. – Sáng tác đầu thế kỉ XIX.	Thái độ phê phán của tác giả trước cuộc sống xa hoa, sự nhúng nhể của bọn vua quan dưới thời Lê Trịnh.	* Bài tùy bút chia làm 2 phần: – Cuộc sống xa hoa của bọn vua quan phong kiến. – Sự nhúng nhể của bọn quan. * Văn tùy bút xưa, ghi chép sự việc cụ thể, sinh động, chân thực.
	3	<i>Hoàng Lê nhất thống chí</i>	– Ngô gia văn phái (thuộc dòng dõi Ngô Thì ở Thanh Oai – Hà Tây, nay thuộc Hà Nội), gồm có 2 tác giả chính: Ngô Thì Chí (1753 – 1788) làm quan thời Lê Chiêu Thống, Ngô Thì Du (1772 – 1840) làm quan triều Nguyễn. – Sáng tác đầu thế kỉ XIX.	Tác phẩm ca ngợi chiến công, vẻ đẹp hào hùng của anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ, và phê phán quân tướng nhà Thanh cùng vua tôi Lê Chiêu Thống.	* Đoạn trích chia làm 3 phần : – Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế, cảm quân dẹp giặc ; – Cuộc hành quân thần tốc, chiến thắng lừng lẫy của vua Quang Trung. – Sự đại bại của bọn xâm lược và bọn bán nước. * Nghệ thuật viết tiểu thuyết chương hồi, kết hợp tự sự với miêu tả.
	1	<i>Truyện Kiều</i>	– Nguyễn Du (1765 – 1820) – Tên chữ là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên. – Quê Tiên Điền, Nghi Xuân, Hà Tĩnh. Gia đình nhiều đời làm quan. – (1786 – 1796) phiêu bạt ở đất Bắc. – Được lệnh làm chánh sứ sang Trung Quốc lần hai (1820), chưa kịp đi thì mất.		

	<i>* Chị em Thuý Kiều</i>		Ca ngợi vẻ đẹp, tài năng của con người và dự cảm về kiếp người tài hoa bạc mệnh.	Kết cấu đoạn trích : 3 phần : – Giới thiệu khái quát vẻ đẹp của hai chị em. – Gợi tả vẻ đẹp của Thuý Vân. – Cụ thể tả vẻ đẹp, tài năng hiếm có của Thuý Kiều * Nghệ thuật ước lệ, lấy vẻ đẹp thiên nhiên để gợi tả vẻ đẹp con người
	<i>* Cảnh ngày xuân</i>		Bức tranh thiên nhiên, lễ hội mùa xuân tươi đẹp	* Kết cấu đoạn trích : 3 phần – Gợi tả khung cảnh ngày xuân. – Lễ hội trong tiết Thanh minh. – Cảnh du xuân trở về. * Từ ngữ giàu chất tạo hình.
	<i>* Mã Giám Sinh mua Kiều</i>		Lên án bản chất xấu xa đê tiện của Mã Giám Sinh và những thể lực tàn bạo chà đạp lên sức tài, nhân phẩm người phụ nữ.	* Kết cấu đoạn trích : 2 phần – Ngoại hình, hành động, bản chất, tính cách của Mã Giám Sinh. – Tình cảnh tội nghiệp đau đớn ê chề của Thuý Kiều. * Khắc hoạ nhân vật qua nghệ thuật miêu tả ngoại hình, cử chỉ, ngôn ngữ đối thoại.
	<i>* Kiều ở lầu Ngưng Bích</i>		Cảnh ngộ cô đơn buồn tủi của Kiều.	* Kết cấu đoạn trích : 3 phần – Hoàn cảnh cô đơn tội nghiệp của Thuý Kiều. – Kiều thương nhớ Kim Trọng và cha mẹ. – Cảnh nói lên tâm trạng đau buồn, âu lo của Kiều.

		<i>* Thuý Kiều báo ân báo oán</i>		Tấm lòng nhân nghĩa, cao thượng của Thuý Kiều và ước mơ công lí chính nghĩa theo quan điểm nhân dân của tác giả.	*Kết cấu đoạn trích : 2 phần –Thuý Kiều báo ân. –Thuý Kiều báo oán. * Xây dựng nhân vật qua ngôn ngữ đối thoại.
5	<i>Truyện Lục Vân Tiên</i>	– Nguyễn Đình Chiểu , còn gọi là Đồ Chiểu (1822 – 1888) – Quê mẹ: Tân Thới, Gia Định. Quê cha: Phong Điền, Thừa Thiên Huế. – Năm 1843: Đỗ tú tài. – Năm 1849: Bị mù, bị bội hôn, sau về Ba Tri (Bến Tre) bốc thuốc, dạy học. Sáng tác khoảng đầu những năm 50 của thế kỉ XIX.			
	<i>Trích đoạn: * Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga</i>			Thể hiện khát vọng hành đạo giúp đời của tác giả và khắc hoạ những phẩm chất đẹp của Lục Vân Tiên (tài ba, dũng cảm, trọng nghĩa khinh tài), của Kiều Nguyệt Nga (hiền hậu, thủy chung, nét na, ân tình).	* Kết cấu đoạn trích : 2 phần – Vân Tiên đánh cướp. – Thái độ của Lục Vân Tiên đối với Kiều Nguyệt Nga. * Loại truyện thơ Nôm dễ kể. Xây dựng tình huống hành động. Ngôn ngữ mộc mạc bình dị.

		<i>*Lục Vân Tiên gặp nạn</i>		Nói lên sự đối lập giữa thiện và ác, đồng thời thể hiện thái độ quý trọng và niềm tin của tác giả đối với nhân dân lao động.	* Kết cấu đoạn trích : 2 phần – Hành động tội ác của Trịnh Hâm. –Việc làm nhân đức của ông Ngự. * Sắp xếp tình huống hợp lí, lời thơ mộc mạc giản dị, ngôn ngữ miêu tả, biểu cảm, khoáng đạt.
--	--	------------------------------	--	--	---

III. VĂN BẢN VĂN HỌC HIỆN ĐẠI

Lớp	TT	Tên văn bản	Tác giả và thời gian sáng tác	Những nét chính về nội dung	Những nét chính về hình thức
1. Truyện kí	1	<i>Làng</i>	– Kim Lân (1920 – 2007) – Tên thật: Nguyễn Văn Tài – Quê Từ Sơn – Bắc Ninh – Chuyên viết truyện ngắn từ trước Cách mạng tháng Tám, am hiểu sâu sắc về nông thôn, viết về làng quê và số phận người nông dân – Sáng tác năm 1948.	Qua tâm trạng đau xót tủi hổ của ông Hai ở nơi tản cư khi nghe tin đồn làng mình theo giặc, truyện thể hiện tình yêu làng, yêu nước và tinh thần kháng chiến của người nông dân phải rời làng đi tản cư.	Xây dựng tình huống tâm lí, miêu tả sinh động diễn biến tâm trạng, ngôn ngữ nhân vật phù hợp.
	2	<i>Chiếc lược ngà</i>	– Nguyễn Quang Sáng (1932 – 2014) Quê: Chợ Mới – An Giang – Đi bộ đội thời chống Pháp. Tập kết ra Bắc, viết văn từ năm 1954, sáng tác nhiều thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch bản phim. – Sáng tác năm 1966.	Thể hiện cảm động tình cha con sâu nặng và cao đẹp trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh.	– Sáng tạo tình huống truyện bất ngờ mà tự nhiên, hợp lí. – Miêu tả tâm lí và xây dựng tính cách nhân vật, ngôn ngữ đậm màu sắc Nam Bộ.

	3	<i>Lặng lẽ Sa Pa</i>	– Nguyễn Thành Long (1925 – 1991) Quê: Duy Xuyên – Quảng Nam – Viết văn từ thời kháng chiến chống Pháp, đặc biệt là truyện ngắn và kí. – Sáng tác năm 1970.	Ca ngợi vẻ đẹp của con người lao động và ý nghĩa của những công việc thầm lặng.	Xây dựng tình huống truyện hợp lí, cách kể chuyện tự nhiên, kết hợp giữa tự sự, trữ tình với bình luận.
	4	<i>Những ngôi sao xa xôi</i>	– Lê Minh Khuê – Sinh năm 1949. Quê Thanh Hoá. Tham gia thanh niên xung phong thời chống Mĩ. – Là cây bút nữ chuyên về truyện ngắn. Đề tài về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ ở Trường Sơn – Những biến chuyển của đời sống xã hội, con người sau 1975. – Sáng tác năm 1971.	Vẻ đẹp tâm hồn của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn, tiêu biểu cho thế hệ trẻ Việt Nam thời kháng chiến chống Mĩ.	Kể theo dòng ý nghĩ, tâm trạng của nhân vật chính, tự nhiên, ngôn ngữ sinh động trẻ trung, miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế.
	5	<i>Bến quê</i>	– Nguyễn Minh Châu (1930 – 1989) Quê Nghệ An, nhập ngũ năm 1950. – Là một trong những cây bút văn xuôi tiêu biểu của văn học cách mạng, đặc biệt là truyện ngắn, góp phần đổi mới văn học. – Sáng tác năm 1985, in trong tập truyện cùng tên.	Những suy ngẫm, trải nghiệm sâu sắc của tác giả về con người, cuộc đời, thức tỉnh ở mọi người sự trân trọng những vẻ đẹp và giá trị bình dị, gần gũi của gia đình, quê hương.	Tạo tình huống nghịch lí, trần thuật qua dòng nội tâm nhân vật, ngôn ngữ và giọng điệu giàu chất suy tư, hình ảnh biểu tượng.

2. Thơ	1	<i>Đồng chí</i>	– Chính Hữu (1926 – 2007) – Tên thật: Trần Đình Đắc. Quê: Hà Tĩnh. – Hoạt động kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ. Đề tài viết về người lính và chiến tranh... – Thơ có cảm xúc dồn nén, ngôn ngữ hình ảnh chọn lọc, hàm súc. – Được Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (năm 2000). – Sáng tác năm 1948, sau chiến dịch Việt Bắc (1947). In trong tập <i>Đầu súng trăng treo</i>.	Tình đồng chí, đồng đội chân thực giản dị đã tạo nên sức mạnh và vẻ đẹp tinh thần của người lính cách mạng.	Thơ tự do, chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ giản dị, chân thực giàu sức biểu cảm.
	2	<i>Đoàn thuyền đánh cá</i>	– Huy Cận (1919 – 2005) – Tên thật: Cù Huy Cận. Quê: Hà Tĩnh. – Nổi tiếng trong phong trào Thơ mới với tập <i>Lửa thiêng</i>. Tham gia cách mạng, là một trong những nhà thơ tiêu biểu của nền thơ hiện đại Việt Nam, được Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 1996. – Sáng tác năm 1958, sau chuyến đi thực tế ở Quảng Ninh. In trong tập <i>Trời mỗi ngày lại sáng</i>.	– Khắc hoạ hình ảnh đẹp tráng lệ về thiên nhiên, vũ trụ và người lao động. – Sự hài hoà giữa thiên nhiên và con người – Bộc lộ niềm vui, tự hào của tác giả trước vẻ đẹp của đất nước và cuộc sống.	– Xây dựng hình ảnh bằng liên tưởng phong phú độc đáo, có âm hưởng khoẻ khoắn, hào hùng, lạc quan.

3	<i>Con cò</i>	– Chế Lan Viên (1920 – 1989) – Tên thật: Phan Ngọc Hoan. Quê: Quảng Trị – Tiêu biểu cho phong trào Thơ mới trước Cách mạng tháng Tám với tập <i>Điêu tàn</i>. Có nhiều tìm tòi sáng tạo, là một trong những tên tuổi hàng đầu của nền thơ Việt Nam thế kỉ XX. – Bài thơ viết năm 1962. In trong tập <i>Hoa ngày thường – Chim báo bão</i> (1967).	Ngợi ca tình mẹ và ý nghĩa của lời ru đối với cuộc sống của con người.	– Hình tượng con cò được gọi ra từ những câu ca dao quen thuộc, có ý nghĩa biểu tượng, triết lí sâu sắc. – Thơ tự do, vận dụng sáng tạo ca dao, những câu thơ đúc kết những suy ngẫm sâu sắc.
4	<i>Bếp lửa</i>	– Bằng Việt Tên thật: Nguyễn Việt Bằng. – Sinh năm 1941. Quê: Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). – Thuộc thế hệ nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mĩ. – Sáng tác năm 1963, khi tác giả đang học ở nước ngoài. In trong tập <i>Hương cây – Bếp lửa</i>	– Qua hồi tưởng, suy ngẫm của người cháu, những kỉ niệm xúc động về người bà và tình bà cháu đã được gợi nên → thể hiện lòng kính yêu trân trọng, biết ơn của cháu đối với bà, gia đình, quê hương, đất nước.	– Thơ tự do, kết hợp biểu cảm, miêu tả tự sự, bình luận. – Xây dựng hình ảnh bếp lửa gắn với hình ảnh người bà, có ý nghĩa ẩn dụ biểu tượng sâu sắc.
5	<i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i>	– Phạm Tiến Duật (1941 – 2007) – Quê: Phú Thọ. – Gia nhập quân đội, hoạt động trên tuyến đường Trường Sơn, là gương mặt tiêu biểu của thế hệ các nhà thơ	Qua hình ảnh độc đáo của những chiếc xe không kính, tác giả ca ngợi vẻ đẹp của những người chiến sĩ lái xe Trường Sơn thời chống	– Chất liệu hiện thực của chiến trường. – Ngôn ngữ giọng điệu mang tính khẩu ngữ tự nhiên, khoẻ khoắn.

		trẻ thời chống Mỹ cứu nước. – Đề tài: người lính, thanh niên xung phong. – Giọng thơ sôi nổi trẻ trung, hồn nhiên, tinh nghịch, sâu sắc. – Sáng tác năm 1969. In trong tập <i>Vàng trắng quảng lửa</i> (1970).	Mĩ: Tư thế hiên ngang, tinh thần lạc quan, dũng cảm, bất chấp khó khăn nguy hiểm và ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam Việt Nam.	
6	<i>Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ</i>	– Nguyễn Khoa Điềm – Sinh năm 1943. – Quê: Thừa Thiên Huế. Gia đình trí thức cách mạng. Thuộc thế hệ nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ. – Sáng tác năm 1971 ở chiến khu miền tây Thừa Thiên.	Tình yêu thương con gắn với khát vọng tự do, với lòng yêu nước, tinh thần chiến đấu của người mẹ miền tây Thừa Thiên trong kháng chiến chống Mỹ.	Bố cục đặc sắc (lặp lại các khúc hát ru), giọng điệu ngọt ngào trìu mến, như lời ru.
7	<i>Viếng lăng Bác</i>	– Viễn Phương (Tên thật: Phan Thanh Viễn 1928 – 2005) – Quê: An Giang. – Tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, là cây bút có mặt sớm của lực lượng văn nghệ giải phóng miền Nam thời Cách mạng. – Sáng tác năm 1976, in trong tập thơ <i>Như mây mùa xuân</i> (1978), nhân dịp tác giả ra thăm miền Bắc, vào lăng Bác sau ngày đất nước được thống nhất.	Lòng thành kính, niềm xúc động sâu sắc của tác giả, của mọi người đối với Bác khi vào lăng viếng.	Thơ tự do, giọng điệu trang trọng tha thiết, nhiều hình ảnh ẩn dụ đẹp, gợi cảm, ngôn ngữ bình dị cô đúc.